

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Cho biết nguyên tử khối (theo đvC) của các nguyên tố:

H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40;
Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.**I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (40 câu, từ câu 1 đến câu 40)****Câu 1:** Cho 1,56 gam hỗn hợp gồm Al và Al_2O_3 phản ứng hết với dung dịch HCl (dư), thu được V lít khí H_2 (đktc) và dung dịch X. Nhỏ từ từ dung dịch NH_3 đến dư vào dung dịch X thu được kết tủa, lọc hết lượng kết tủa, nung đến khối lượng không đổi thu được 2,04 gam chất rắn. Giá trị của V là

- A. 0,448. B. 0,224. C. 1,344. D. 0,672.

Câu 2: Đốt cháy hoàn toàn 2,76 gam hỗn hợp X gồm C_xH_yCOOH , $C_xH_yCOOCH_3$, CH_3OH thu được 2,688 lít CO_2 (đktc) và 1,8 gam H_2O . Mặt khác, cho 2,76 gam X phản ứng vừa đủ với 30 ml dung dịch NaOH 1M, thu được 0,96 gam CH_3OH . Công thức của C_xH_yCOOH là

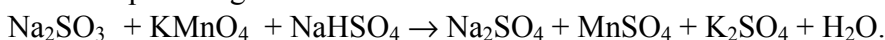
- A. C_3H_5COOH . B. CH_3COOH . C. C_2H_3COOH . D. C_2H_5COOH .

Câu 3: Cho hỗn hợp gồm 6,72 gam Mg và 0,8 gam MgO tác dụng hết với lượng dư dung dịch HNO_3 . Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 0,896 lít một khí X (đktc) và dung dịch Y. Làm bay hơi dung dịch Y thu được 46 gam muối khan. Khí X là

- A. N_2O . B. NO_2 . C. N_2 . D. NO .

Câu 4: Hỗn hợp Z gồm hai este X và Y tạo bởi cùng một ancol và hai axit cacboxylic kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng ($M_X < M_Y$). Đốt cháy hoàn toàn m gam Z cần dùng 6,16 lít khí O_2 (đktc), thu được 5,6 lít khí CO_2 (đktc) và 4,5 gam H_2O . Công thức este X và giá trị của m tương ứng là

- A. $(HCOO)_2C_2H_4$ và 6,6. B. $HCOOCH_3$ và 6,7.
C. CH_3COOCH_3 và 6,7. D. $HCOOC_2H_5$ và 9,5.

Câu 5: Cho phản ứng:

Tổng hệ số của các chất (là những số nguyên, tối giản) trong phương trình phản ứng là

- A. 23. B. 27. C. 47. D. 31.

Câu 6: Cho các dung dịch loãng: (1) $FeCl_3$, (2) $FeCl_2$, (3) H_2SO_4 , (4) HNO_3 , (5) hỗn hợp gồm HCl và $NaNO_3$. Những dung dịch phản ứng được với kim loại Cu là:

- A. (1), (3), (5). B. (1), (2), (3). C. (1), (3), (4). D. (1), (4), (5).

Câu 7: Dãy gồm các ion cùng tồn tại trong một dung dịch là:

- A. Al^{3+} , PO_4^{3-} , Cl^- , Ba^{2+} . B. Ca^{2+} , Cl^- , Na^+ , CO_3^{2-} .
C. K^+ , Ba^{2+} , OH^- , Cl^- . D. Na^+ , K^+ , OH^- , HCO_3^- .

Câu 8: Thủy phân chất hữu cơ X trong dung dịch NaOH (dư), đun nóng, thu được sản phẩm gồm 2 muối và ancol etylic. Chất X là

- A. $CH_3COOCH_2CH_2Cl$. B. $CH_3COOCH_2CH_3$.
C. $CH_3COOCH(Cl)CH_3$. D. $ClCH_2COOC_2H_5$.

Câu 9: Thủy phân hoàn toàn 3,42 gam saccarozơ trong môi trường axit, thu được dung dịch X. Cho toàn bộ dung dịch X phản ứng hết với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , đun nóng, thu được m gam Ag. Giá trị của m là

- A. 21,60. B. 2,16. C. 4,32. D. 43,20.

Câu 10: Phát biểu đúng là:

- A. Vinyl axetat phản ứng với dung dịch NaOH sinh ra ancol etylic.
- B. Thủy phân benzyl clorua thu được phenol.
- C. Phenol phản ứng được với nước brom.
- D. Phenol phản ứng được với dung dịch NaHCO₃.

Câu 11: Cho 2,1 gam hỗn hợp X gồm 2 amin no, đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng phản ứng hết với dung dịch HCl (dư), thu được 3,925 gam hỗn hợp muối. Công thức của 2 amin trong hỗn hợp X là

- A. C₃H₇NH₂ và C₄H₉NH₂.
- B. CH₃NH₂ và C₂H₅NH₂.
- C. CH₃NH₂ và (CH₃)₃N.
- D. C₂H₅NH₂ và C₃H₇NH₂.

Câu 12: Hấp thụ hoàn toàn 3,36 lít khí CO₂ (đktc) vào 125 ml dung dịch Ba(OH)₂ 1M, thu được dung dịch X. Coi thể tích dung dịch không thay đổi, nồng độ mol của chất tan trong dung dịch X là

- A. 0,6M.
- B. 0,2M.
- C. 0,1M.
- D. 0,4M.

Câu 13: Cho 29,8 gam hỗn hợp bột gồm Zn và Fe vào 600 ml dung dịch CuSO₄ 0,5M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch X và 30,4 gam hỗn hợp kim loại. Phần trăm về khối lượng của Fe trong hỗn hợp ban đầu là

- A. 56,37%.
- B. 64,42%.
- C. 43,62%.
- D. 37,58%.

Câu 14: Cho 16,4 gam hỗn hợp X gồm 2 axit cacboxylic là đồng đẳng kế tiếp nhau phản ứng hoàn toàn với 200 ml dung dịch NaOH 1M và KOH 1M, thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y, thu được 31,1 gam hỗn hợp chất rắn khan. Công thức của 2 axit trong X là

- A. C₂H₄O₂ và C₃H₄O₂.
- B. C₂H₄O₂ và C₃H₆O₂.
- C. C₃H₄O₂ và C₄H₆O₂.
- D. C₃H₆O₂ và C₄H₈O₂.

Câu 15: Các kim loại X, Y, Z có cấu hình electron nguyên tử lần lượt là: 1s²2s²2p⁶3s¹; 1s²2s²2p⁶3s²; 1s²2s²2p⁶3s²3p¹. Dãy gồm các kim loại xếp theo chiều tăng dần tính khử từ trái sang phải là:

- A. Z, Y, X.
- B. X, Y, Z.
- C. Y, Z, X.
- D. Z, X, Y.

Câu 16: Đốt cháy hoàn toàn 6,72 lít (đktc) hỗn hợp gồm hai hydrocacbon X và Y (M_Y > M_X), thu được 11,2 lít khí CO₂ (đktc) và 10,8 gam H₂O. Công thức của X là

- A. C₂H₄.
- B. CH₄.
- C. C₂H₆.
- D. C₂H₂.

Câu 17: Hoà tan hỗn hợp gồm: K₂O, BaO, Al₂O₃, Fe₃O₄ vào nước (dư), thu được dung dịch X và chất rắn Y. Sục khí CO₂ đến dư vào dung dịch X, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được kết tủa là

- A. Fe(OH)₃.
- B. K₂CO₃.
- C. Al(OH)₃.
- D. BaCO₃.

Câu 18: Cho biết thứ tự từ trái sang phải của các cặp oxi hoá - khử trong dãy điện hoá (dãy thế điện cực chuẩn) như sau: Zn²⁺/Zn; Fe²⁺/Fe; Cu²⁺/Cu; Fe³⁺/Fe²⁺; Ag⁺/Ag.

Các kim loại và ion đều phản ứng được với ion Fe²⁺ trong dung dịch là:

- A. Zn, Ag⁺.
- B. Ag, Cu²⁺.
- C. Ag, Fe³⁺.
- D. Zn, Cu²⁺.

Câu 19: Nguyên tử S đóng vai trò vừa là chất khử, vừa là chất oxi hoá trong phản ứng nào sau đây?

- A. $S + 2Na \xrightarrow{t^o} Na_2S$.
- B. $S + 6HNO_3(\text{đặc}) \xrightarrow{t^o} H_2SO_4 + 6NO_2 + 2H_2O$.
- C. $4S + 6NaOH(\text{đặc}) \xrightarrow{t^o} 2Na_2S + Na_2S_2O_3 + 3H_2O$.
- D. $S + 3F_2 \xrightarrow{t^o} SF_6$.

Câu 20: Ứng với công thức phân tử C₃H₆O có bao nhiêu hợp chất mạch hở bền khi tác dụng với khí H₂ (xúc tác Ni, t^o) sinh ra ancol?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 2.
- D. 1.

Câu 21: Cho 45 gam axit axetic phản ứng với 69 gam ancol etylic (xúc tác H₂SO₄ đặc), đun nóng, thu được 41,25 gam etyl axetat. Hiệu suất của phản ứng este hoá là

- A. 31,25%.
- B. 40,00%.
- C. 62,50%.
- D. 50,00%.

Câu 22: Dung dịch nào sau đây làm quỳ tím chuyển màu xanh?

- A. Phenylamoni clorua.
- B. Anilin.
- C. Glyxin.
- D. Etylamin.

- Câu 23:** Andehit no mạch hở X có công thức đơn giản nhất C_2H_3O . Công thức phân tử của X là
 A. $C_4H_6O_2$. B. $C_8H_{12}O_4$. C. C_2H_3O . D. $C_6H_9O_3$.
- Câu 24:** Cho 10 ml dung dịch ancol etylic 46° phản ứng hết với kim loại Na (dư), thu được V lít khí H_2 (đktc). Biết khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất bằng 0,8 g/ml. Giá trị của V là
 A. 4,256. B. 2,128. C. 3,360. D. 0,896.
- Câu 25:** Thủy phân hoàn toàn tinh bột trong dung dịch axit vô cơ loãng, thu được chất hữu cơ X. Cho X phản ứng với khí H_2 (xúc tác Ni, t°), thu được chất hữu cơ Y. Các chất X, Y lần lượt là:
 A. glucozơ, sobitol. B. glucozơ, saccarozơ. C. glucozơ, etanol. D. glucozơ, fructozơ.
- Câu 26:** Liên kết hoá học giữa các nguyên tử trong phân tử H_2O là liên kết
 A. ion. B. cộng hoá trị phân cực.
 C. hiđro. D. cộng hoá trị không phân cực.
- Câu 27:** Cho 0,015 mol một loại hợp chất oleum vào nước thu được 200 ml dung dịch X. Để trung hoà 100 ml dung dịch X cần dùng 200 ml dung dịch NaOH 0,15M. Phần trăm về khối lượng của nguyên tố lưu huỳnh trong oleum trên là
 A. 32,65%. B. 35,95%. C. 37,86%. D. 23,97%.
- Câu 28:** Chất rắn X phản ứng với dung dịch HCl được dung dịch Y. Cho từ từ dung dịch NH_3 đến dư vào dung dịch Y, ban đầu xuất hiện kết tủa xanh, sau đó kết tủa tan, thu được dung dịch màu xanh thẫm. Chất X là
 A. FeO. B. Cu. C. CuO. D. Fe.
- Câu 29:** Cho cân bằng hoá học: $PCl_5 (k) \rightleftharpoons PCl_3 (k) + Cl_2 (k); \Delta H > 0$.
 Cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi
 A. thêm PCl_3 vào hệ phản ứng. B. tăng áp suất của hệ phản ứng.
 C. tăng nhiệt độ của hệ phản ứng. D. thêm Cl_2 vào hệ phản ứng.
- Câu 30:** Cho a gam Fe vào 100 ml dung dịch hỗn hợp gồm HNO_3 0,8M và $Cu(NO_3)_2$ 1M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 0,92a gam hỗn hợp kim loại và khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}). Giá trị của a là
 A. 5,6. B. 11,2. C. 8,4. D. 11,0.
- Câu 31:** Ứng với công thức phân tử $C_2H_7O_2N$ có bao nhiêu chất vừa phản ứng được với dung dịch NaOH, vừa phản ứng được với dung dịch HCl?
 A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.
- Câu 32:** Hai chất X và Y có cùng công thức phân tử $C_2H_4O_2$. Chất X phản ứng được với kim loại Na và tham gia phản ứng tráng bạc. Chất Y phản ứng được với kim loại Na và hoà tan được $CaCO_3$. Công thức của X, Y lần lượt là:
 A. $CH_3COOH, HOCH_2CHO$. B. $HCOOCH_3, HOCH_2CHO$.
 C. $HCOOCH_3, CH_3COOH$. D. $HOCH_2CHO, CH_3COOH$.
- Câu 33:** Phát biểu nào sau đây đúng?
 A. Iot có bán kính nguyên tử lớn hơn brom.
 B. Dung dịch NaF phản ứng với dung dịch $AgNO_3$ sinh ra AgF kết tủa.
 C. Flo có tính oxi hoá yếu hơn clo.
 D. Axit HBr có tính axit yếu hơn axit HCl.
- Câu 34:** Cho 9,125 gam muối hidrocacbonat phản ứng hết với dung dịch H_2SO_4 (dư), thu được dung dịch chứa 7,5 gam muối sunfat trung hoà. Công thức của muối hidrocacbonat là
 A. $NaHCO_3$. B. $Ca(HCO_3)_2$. C. $Ba(HCO_3)_2$. D. $Mg(HCO_3)_2$.
- Câu 35:** Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phản ứng trùng ngưng?
 A. poli(metyl metacrylat). B. poli(etylen terephtalat).
 C. polistiren. D. poliacrilonitrin.
- Câu 36:** Dây gồm các kim loại có cấu tạo mạng tinh thể lập phương tâm khối là:
 A. Be, Mg, Ca. B. Li, Na, K. C. Na, K, Mg. D. Li, Na, Ca.

Câu 37: Nhỏ từ từ dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch X. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn chỉ thu được dung dịch trong suốt. Chất tan trong dung dịch X là

- A. AlCl_3 . B. CuSO_4 . C. $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$. D. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$.

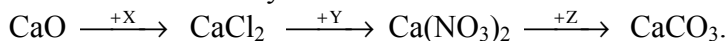
Câu 38: Để trung hoà 15 gam một loại chất béo có chỉ số axit bằng 7, cần dùng dung dịch chứa a gam NaOH. Giá trị của a là

- A. 0,150. B. 0,200. C. 0,280. D. 0,075.

Câu 39: Số liên kết σ (xích ma) có trong mỗi phân tử: etilen; axetilen; buta-1,3-đien lần lượt là:

- A. 5; 3; 9. B. 4; 3; 6. C. 3; 5; 9. D. 4; 2; 6.

Câu 40: Cho sơ đồ chuyển hoá sau:



Công thức của X, Y, Z lần lượt là:

- A. HCl , HNO_3 , Na_2CO_3 . B. Cl_2 , HNO_3 , CO_2 .
C. HCl , AgNO_3 , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$. D. Cl_2 , AgNO_3 , MgCO_3 .

II. PHẦN RIÊNG [10 câu]

Thí sinh chỉ được làm một trong hai phần (phần A hoặc B)

A. Theo chương trình Chuẩn (10 câu, từ câu 41 đến câu 50)

Câu 41: Cho phản ứng: $\text{Br}_2 + \text{HCOOH} \rightarrow 2\text{HBr} + \text{CO}_2$.

Nồng độ ban đầu của Br_2 là a mol/lít, sau 50 giây nồng độ Br_2 còn lại là 0,01 mol/lít. Tốc độ trung bình của phản ứng trên tính theo Br_2 là $4 \cdot 10^{-5}$ mol/(l.s). Giá trị của a là

- A. 0,012. B. 0,016. C. 0,014. D. 0,018.

Câu 42: Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Ancol etylic bốc cháy khi tiếp xúc với CrO_3 .
B. Crom(III) oxit và crom(III) hidroxit đều là chất có tính lưỡng tính.
C. Khi phản ứng với dung dịch HCl , kim loại Cr bị oxi hoá thành ion Cr^{2+} .
D. Crom(VI) oxit là oxit bazơ.

Câu 43: Thuốc thử dùng để phân biệt dung dịch NH_4NO_3 với dung dịch $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ là

- A. đồng(II) oxit và dung dịch NaOH. B. đồng(II) oxit và dung dịch HCl .
C. dung dịch NaOH và dung dịch HCl . D. kim loại Cu và dung dịch HCl .

Câu 44: Sản phẩm của phản ứng nhiệt phân hoàn toàn AgNO_3 là:

- A. Ag_2O , NO , O_2 . B. Ag_2O , NO_2 , O_2 . C. Ag , NO , O_2 . D. Ag , NO_2 , O_2 .

Câu 45: Nếu thủy phân không hoàn toàn pentapeptit Gly-Ala-Gly-Ala-Gly thì thu được tối đa bao nhiêu dipeptit khác nhau?

- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 46: Cặp chất nào sau đây **không** phải là đồng phân của nhau?

- A. Ancol etylic và đimetyl ete. B. Saccarozơ và xenlulozơ.
C. Glucozơ và fructozơ. D. 2-metylpropan-1-ol và butan-2-ol.

Câu 47: Axit cacboxylic X có công thức đơn giản nhất là $\text{C}_3\text{H}_5\text{O}_2$. Khi cho 100 ml dung dịch axit X nồng độ 0,1M phản ứng hết với dung dịch NaHCO_3 (dư), thu được V ml khí CO_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 448. B. 224. C. 112. D. 336.

Câu 48: Kim loại M có thể được điều chế bằng cách khử ion của nó trong oxit bởi khí H_2 ở nhiệt độ cao. Mặt khác, kim loại M khử được ion H^+ trong dung dịch axit loãng thành H_2 . Kim loại M là

- A. Cu. B. Mg. C. Fe. D. Al.

Câu 49: Cho 3,12 gam ankin X phản ứng với 0,1 mol H_2 (xúc tác Pd/PbCO_3 , t°), thu được hỗn hợp Y chỉ có hai hidrocarbon. Công thức phân tử của X là

- A. C_2H_2 . B. C_4H_6 . C. C_5H_8 . D. C_3H_4 .

Câu 50: Oxi hoá không hoàn toàn ancol isopropylic bằng CuO nung nóng, thu được chất hữu cơ X. Tên gọi của X là

- A. metyl vinyl xeton. B. propanal. C. metyl phenyl xeton. D. đimetyl xeton.

B. Theo chương trình Nâng cao (10 câu, từ câu 51 đến câu 60)

Câu 51: Ở điều kiện thích hợp: chất X phản ứng với chất Y tạo ra anđehit axetic; chất X phản ứng với chất Z tạo ra ancol etylic. Các chất X, Y, Z lần lượt là:

- A. C_2H_2 , H_2O , H_2 . B. C_2H_4 , O_2 , H_2O . C. C_2H_2 , O_2 , H_2O . D. C_2H_4 , H_2O , CO .

Câu 52: Cho m gam bột crom phản ứng hoàn toàn với dung dịch HCl (dư), thu được V lít khí H_2 (đktc). Mặt khác, cũng m gam bột crom trên phản ứng hoàn toàn với khí O_2 (dư), thu được 15,2 gam oxit duy nhất. Giá trị của V là

- A. 2,24. B. 4,48. C. 3,36. D. 6,72.

Câu 53: Cho biết: $E^{\circ}_{Mg^{2+}/Mg} = -2,37V$; $E^{\circ}_{Zn^{2+}/Zn} = -0,76V$; $E^{\circ}_{Pb^{2+}/Pb} = -0,13V$; $E^{\circ}_{Cu^{2+}/Cu} = +0,34V$.

Pin điện hoá có suất điện động chuẩn bằng 1,61V được cấu tạo bởi hai cặp oxi hoá - khử

- A. Zn^{2+}/Zn và Pb^{2+}/Pb . B. Zn^{2+}/Zn và Cu^{2+}/Cu .
C. Pb^{2+}/Pb và Cu^{2+}/Cu . D. Mg^{2+}/Mg và Zn^{2+}/Zn .

Câu 54: Khả năng phản ứng thế nguyên tử clo bằng nhóm -OH của các chất được xếp theo chiều tăng dần từ trái sang phải là:

- A. anlyl clorua, propyl clorua, phenyl clorua. B. anlyl clorua, phenyl clorua, propyl clorua.
C. phenyl clorua, propyl clorua, anlyl clorua. D. phenyl clorua, anlyl clorua, propyl clorua.

Câu 55: Cho 4,6 gam một ancol no, đơn chức phản ứng với CuO nung nóng, thu được 6,2 gam hỗn hợp X gồm anđehit, nước và ancol dư. Cho toàn bộ lượng hỗn hợp X phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , đun nóng, thu được m gam Ag. Giá trị của m là

- A. 16,2. B. 21,6. C. 10,8. D. 43,2.

Câu 56: Chất nào sau đây có đồng phân hình học?

- A. 2-clopropen. B. But-2-en. C. 1,2-đicloetan. D. But-2-in.

Câu 57: Số amin thơm bậc một ứng với công thức phân tử C_7H_9N là

- A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 58: Dung dịch nào sau đây có pH > 7?

- A. Dung dịch CH_3COONa . B. Dung dịch NaCl.
C. Dung dịch NH_4Cl . D. Dung dịch $Al_2(SO_4)_3$.

Câu 59: Điện phân dung dịch $CuSO_4$ với anot bằng đồng (anot tan) và điện phân dung dịch $CuSO_4$ với anot bằng graphit (điện cực trơ) đều có đặc điểm chung là

- A. ở catot xảy ra sự khử: $Cu^{2+} + 2e \rightarrow Cu$.
B. ở catot xảy ra sự oxi hoá: $2H_2O + 2e \rightarrow 2OH^- + H_2$.
C. ở anot xảy ra sự khử: $2H_2O \rightarrow O_2 + 4H^+ + 4e$.
D. ở anot xảy ra sự oxi hoá: $Cu \rightarrow Cu^{2+} + 2e$.

Câu 60: Thuốc thử dùng để phân biệt 3 dung dịch riêng biệt: NaCl, $NaHSO_4$, HCl là

- A. NH_4Cl . B. $(NH_4)_2CO_3$. C. $BaCO_3$. D. $BaCl_2$.

----- HẾT -----